

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 6 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Văn Nội

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

Bà Nguyễn Thị Phụng.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Lê Phú Quý là thư ký Toà án nhân dân huyện Lấp Vò.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2021, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thu Q, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp T, xã TT, huyện L, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn T, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp T, xã TT, huyện L, tỉnh Đ.

(Các đương sự có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa chị Phạm Thị Thu Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp

luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vợ chồng sống xa nhau từ đó cho đến nay. Nay chị Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Phạm Thị Thu Q yêu cầu xin ly hôn với anh Phan Văn T.

- Về con chung: Quá trình sống chung có 01 con chung tên Phạm Ngọc M, sinh ngày 23/6/2008. Từ khi vợ chồng sống xa nhau con chung do chị Q nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị Q yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Phan Văn T trình bày:

Anh T và chị Q sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mỗi người có cuộc sống riêng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và đã sống xa nhau từ năm 2018 đến nay không đoàn tụ được.

Nay chị Q xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Q.

- Về con chung: Quá trình sống chung có 01 con chung tên Phạm Ngọc M, sinh ngày 23/6/2008. Từ khi vợ chồng sống xa nhau con chung do chị Q nuôi dưỡng. Nay anh T đồng ý giao con tên Phạm Ngọc M, sinh ngày 23/6/2008 cho chị Q được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Phan Văn T đăng ký hộ khẩu tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện Lấp Vò theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Chị Q xin ly hôn với anh T yêu cầu giải quyết về con chung nên quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về con khi ly hôn” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu Q và anh Phan Văn T đều thừa nhận anh chị sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2005 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình sống chung anh chị đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã xa nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị Q và anh T đều thống nhất ly hôn. Xét thấy, việc chị Q và anh T sống chung với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”. Do đó, xử không công nhận chị Phạm Thị Thu Q và anh Phan Văn T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Thu Q và anh Phan Văn T đều thừa nhận quá trình sống chung anh chị có 01 con chung tên Phạm Ngọc M, sinh ngày 23/6/2008. Con hiện nay đang do chị Q nuôi dưỡng, khi ly hôn chị Q và anh T thống nhất giao con cho chị Q được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, cháu M cũng có nguyện vọng được sống với chị Q. Do đó, áp dụng Điều 81, 82, 83 giao con chung tên Phạm Ngọc M, sinh ngày 23/6/2008 cho chị Q được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Q không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản và nợ chung: Chị Q và anh T thống nhất không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị Thu Q và anh Phan Văn T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung tên Phạm Ngọc M, sinh ngày 23/6/2008 cho chị Phạm Thị Thu Q được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BI/2019/0014147 ngày 12/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án hôm nay các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội